

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÀ NÀ

Số: 351/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Nà, ngày 12 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết TL 1/500

Tiểu dự án 2: Khu tái định cư phục vụ Dự án đường sắt tốc độ cao
trên trục Bắc - Nam trên địa bàn xã Bà Nà

Thuộc Dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ Dự án
đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam khu vực từ sông Thu Bồn về phía
Bắc đến hết ranh giới thành phố Đà Nẵng
Địa điểm: Xã Bà Nà, thành phố Đà Nẵng

Mã số thông tin quy hoạch: H17.115-260512-170006

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÀ NÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26
tháng 11 năm 2024; Luật số 144/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của
Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 về
chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam;

Căn cứ Nghị quyết 106/NQ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
về kế hoạch triển khai Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc
hội về chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà
nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về
quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025
của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong
lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025
của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương
02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu đô thị Sườn đồi, TL 1/2.000;

Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam khu vực từ sông Thu Bồn về phía Bắc đến hết ranh giới thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND xã Bà Nà về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết, TL 1/500 Tiểu dự án 2: Khu tái định cư phục vụ dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam trên địa bàn xã Bà Nà; Thuộc Dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam khu vực từ sông Thu Bồn về phía Bắc đến hết ranh giới thành phố Đà Nẵng; Địa điểm: Xã Bà Nà, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 4671/SXD-QHKT&PTĐT ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Sở Xây dựng về việc có ý kiến liên quan đến quy hoạch chi tiết Tiểu dự án 2: Khu tái định cư phục vụ dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam trên địa bàn xã Bà Nà;

Căn cứ Thông báo số 81/TB-HĐTĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn về quy hoạch chi tiết TL1/500 Tiểu dự án 2: Khu tái định cư phục vụ Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam trên địa bàn xã Bà Nà. Thuộc Dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam khu vực từ sông Thu Bồn về phía Bắc đến hết ranh giới thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông và nông nghiệp Đà Nẵng tại Tờ trình số 155/TTr-BGTNN ngày 11/5/2026 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết TL1/500 Tiểu dự án 2: Khu tái định cư phục vụ Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam trên địa bàn xã Bà Nà. Thuộc Dự án

thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam khu vực từ sông Thu Bồn về phía Bắc đến hết ranh giới thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm định số 390/BC-KT ngày 12/5/2026 của Phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết TL 1/500 Tiểu dự án 2: Khu tái định cư phục vụ Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam trên địa bàn xã Bà Nà thuộc Dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam khu vực từ sông Thu Bồn về phía Bắc đến hết ranh giới thành phố Đà Nẵng, kèm theo hồ sơ do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Đà Nẵng chủ trì tổ chức lập và Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng U.T.A là đơn vị tư vấn lập quy hoạch với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

a) Phạm vi, quy mô lập quy hoạch:

- Vị trí, phạm vi ranh giới: Khu đất nghiên cứu quy hoạch thuộc xã Bà Nà, TP. Đà Nẵng với phạm vi ranh giới được xác định như sau:

+ Phía Bắc : Giáp trường mầm non, cây xanh sử dụng công cộng cấp đơn vị ở, khu dịch vụ cấp đơn vị ở quy hoạch;

+ Phía Đông: Giáp hành lang tuyến điện;

+ Phía Nam : Giáp đất nông nghiệp hiện trạng;

+ Phía Tây : Giáp cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị quy hoạch.

- Quy mô nghiên cứu quy hoạch khoảng: 102.617 (m²).

Diện tích thu hồi đất xử lý hạ tầng kỹ thuật: 18.176,6 (m²).

b) Thời hạn quy hoạch chi tiết tuân thủ theo quy định tại Khoản 4, 5 Điều 26 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (cơ quan tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm về đề xuất thời hạn quy hoạch chi tiết).

2. Mục tiêu của quy hoạch

- Cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chung điều chỉnh thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 và đồ án Quy hoạch phân khu Sườn đồi tỉ lệ 1/2000 được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 03/7/2024.

- Phục vụ sớm bố trí tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng khi đầu tư xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, đoạn qua địa bàn xã Bà Nà đã được UBND thành phố phê duyệt dự án thành phần tại Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025.

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai thủ tục đầu tư xây dựng dự án, tổ chức thực hiện quản lý quy hoạch, xây dựng và kiểm soát phát triển theo quy hoạch được phê duyệt.

3. Tính chất, chức năng của khu vực lập quy hoạch:

- Tính chất: Khu tái định cư.
- Chức năng: Đất Nhóm nhà ở, trường học, công viên cây xanh-thể dục thể thao, đường giao thông.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

- Quy mô dân số dự kiến: 700 người;
- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch chủ yếu:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu quy hoạch theo QHPK Đổi mới sáng tạo
I	Nhóm nhà ở mới		
1	Mật độ xây dựng	%	50÷80
2	Hệ số sử dụng đất	Lần	≤3
3	Tầng cao xây dựng	Tầng	1÷5
4	Chiều cao xây dựng	Mét	6÷26
II	Trường mầm non		
1	Mật độ xây dựng	%	30÷40
2	Hệ số sử dụng đất	Lần	≤1,2
3	Tầng cao xây dựng	Tầng	1÷3
4	Chiều cao xây dựng	Mét	6÷18
III	Trường tiểu học		
1	Mật độ xây dựng	%	30÷40
2	Hệ số sử dụng đất	Lần	≤1,2
3	Tầng cao xây dựng	Tầng	1÷3
4	Chiều cao xây dựng	Mét	6÷18
IV	Cây xanh sử dụng công cộng cấp đơn vị ở		
1	Mật độ xây dựng	%	0÷5
2	Hệ số sử dụng đất	Lần	≤0,05
3	Tầng cao xây dựng	Tầng	0÷1
4	Chiều cao xây dựng	Mét	0÷10
V	Thể dục thể thao		
1	Mật độ xây dựng	%	10÷25
2	Hệ số sử dụng đất	Lần	≤0,5
3	Tầng cao xây dựng	Tầng	0÷2
4	Chiều cao xây dựng	Mét	0÷14

- Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật chủ yếu:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	Chỉ tiêu cấp điện và chiếu sáng		

	Đất nhà ở liền kề	kW/người	0,8
	Trường học	kW/cháu	0,15
	Chiếu sáng đường phố	W/m ²	1
	Chiếu sáng công viên	W/m ²	0,5
2	Cấp nước		
	- Nước sinh hoạt	lít/người/ng.đ	170
	- Công cộng dịch vụ	lít/m ² sàn	2
	- Nước rửa đường	lít/m ² /ng.đ	0,4
	- Nước tưới cây vườn hoa, công viên	lít/m ² /ng.đ	3
	- Thất thoát rò rỉ	%	12% (các thành phần trên)
3	Thoát nước thải		
	- Tỷ lệ thu gom	%	100
4	Quản lý chất thải rắn		
	- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	kg/người.ng.đ	1,3
	- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn	%	100

5. Các nội dung chính của quy hoạch

a) Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà ở liền kề quy hoạch	OQH	19.483,1	18,99
2	Đất trường mầm non	MN	8.769,5	8,55
3	Đất trường tiểu học	TH	9.478,2	9,24
4	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	19.745,1	19,24
5	Đất thể dục thể thao	TDTT	3.405,7	3,32
6	Đường giao thông	GT	41.735,4	40,67
	TỔNG CỘNG		102.617	100.00

(Chi tiết chỉ tiêu sử dụng đất tại hồ sơ quy hoạch kèm theo Quyết định)

b) Chỉ giới xây dựng:

- Công trình nhà ở liền kề quy hoạch mới: Chỉ giới xây dựng lùi vào tối thiểu 1,5 m so với chỉ giới đường đỏ các tuyến đường; các mặt còn lại trùng ranh giới đất.

- Công trình trường mầm non, trường tiểu học: Chỉ giới xây dựng lùi vào tối thiểu 6,0 m so với chỉ giới đường đỏ các tuyến đường; các mặt còn lại lùi vào tối thiểu 6,0 m so với ranh giới đất.

- Công trình tại khu đất cây xanh sử dụng công cộng và thể dục thể thao: Chỉ giới xây dựng lùi vào tối thiểu 3,0 m so với chỉ giới đường đỏ các tuyến đường; các mặt còn lại lùi vào tối thiểu 3,0 m so với ranh giới đất.

- Chỉ giới đường đỏ, khoảng lùi công trình được thể hiện cụ thể tại bản vẽ QH-04 Bản đồ sử dụng đất quy hoạch.

c) Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

- Tổ chức không gian với nguyên tắc hài hòa giữa các khu vực chức năng và giữa khu quy hoạch với khu vực xung quanh của xã, đảm bảo việc kết nối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật (giao thông, thoát nước, cấp nước...).

- Kiến trúc công trình phù hợp với từng chức năng quy hoạch; hình thức kiến trúc hiện đại, màu sắc, vật liệu chủ đạo của các công trình phù hợp với đặc điểm khí hậu, tiết kiệm năng lượng và áp dụng các công nghệ khoa học mới.

- Không gian, kiến trúc cảnh quan hiện đại phù hợp với khu dân cư đô thị.

- Tổ chức cảnh quan, không gian cây xanh công cộng phù hợp trong phạm vi quy hoạch đảm bảo khả năng tiếp cận, sử dụng của người dân.

d) Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước mặt:

+ Cao độ nền cao nhất +7.94m, cao độ nền thấp nhất +7.29m (Tại vị trí tiếp giáp với khu TĐC số 2).

+ Thoát nước:

Lưu vực phía Đông: Nước được thu gom vào các hố thu đặt dưới đường chuyển vào các cống có khẩu độ D600, D800, D1000, D1500, sau đó đầu nối vào tuyến cống 2x(3000x2000)mm tại vị trí tiếp giáp với khu TĐC số 2.

Lưu vực phía Tây: Nước được thu gom vào các hố thu và đi theo các cống dọc đi ngầm trên vỉa hè có khẩu độ D600, D800, D1000, D1200 sau đó xả ra khe nước hiện trạng nằm phía Tây Nam dự án.

Hoàn trả mương tưới tiêu thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Giao thông: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị.

+ Mặt cắt ngang: B=28,0m(5,0+8,0+2,0+8,0+5,0); B=15,5m(4,0+7,5+4,0).

+ Quy hoạch bố trí bãi xe phục vụ công cộng.

+ Tổ chức giao thông theo QCVN 41:2024/BGTVT.

- Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng:

+ Tổng công suất sử dụng điện dự kiến: 814 kVA.

+ Nguồn cấp điện: Hệ thống điện được đầu nối trên đường dây trung thế hiện trạng đi nổi hiện trạng, xuất tuyến 471CDO.

+ Mạng lưới cấp điện: Toàn bộ đường dây trung và hạ thế được quy hoạch ngầm.

+ Trạm biến áp: số lượng 02 trạm. Vị trí lắp đặt tại khu vực công cộng và công viên cây xanh để đảm bảo cảnh quan đô thị.

+ Đèn chiếu sáng: Sử dụng đèn LED. Tất cả các bộ đèn lắp mới đều có ánh sáng trung tính, dây dẫn đi ngầm.

- Quy hoạch cấp nước:

+ Tổng nhu cầu dùng nước theo ngày lớn nhất khoảng 321 m³/ngày.

+ Nguồn nước: sử dụng nguồn nước sạch từ hệ thống cấp nước thành phố Đà Nẵng. Đầu nối từ các tuyến ống D160 HDPE, D110 HDPE quy hoạch thuộc dự án Khu TĐC số 2 phục vụ giải tỏa xây dựng đường cao tốc đoạn Hòa Liên - Túy Loan thuộc tuyến cao tốc Bắc-Nam phía Đông, thành phố Đà Nẵng.

+ Cấp nước chữa cháy: Lưu lượng được tính toán phù hợp với quy mô dự án quy hoạch theo quy định tại QCVN 10-2025/BCA. Hệ thống cấp nước chữa cháy áp lực thấp nhất kết hợp với mạng lưới cấp nước sinh hoạt. Nước cấp cho xe cứu hỏa được lấy từ các trụ cứu hỏa bố trí tại các đường ống có đường kính ≥ 100 dọc đường, đảm bảo khoảng cách tối đa giữa các trụ cứu hỏa là 150m.

- Quy hoạch nước thải, quản lý chất thải rắn:

+ Thoát nước thải:

Quy hoạch hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn. Thiết kế đường cống theo nguyên tắc tự chảy

Nước thải từ nhà ở, các công trình công cộng... được xử lý sơ bộ trước khi xả ra cống nhánh, từ đó dẫn ra các tuyến cống chính và đưa về trạm xử lý.

Tổng lưu lượng nước thải lớn nhất phát sinh của dự án 196 m³/ngày, đạt chuẩn phù hợp theo quy định môi trường hiện hành. Nước thải sau xử lý được dẫn từ trạm xử lý nước thải được xả ra khe nước hiện trạng.

Nước thải được đầu nối về Trạm XLNT tập trung thuộc dự án Khu TĐC số 2 phục vụ giải tỏa dự án đường cao tốc đoạn Hòa Liên – Túy Loan và sẽ thực hiện đầu tư theo dạng mô-đun để phù hợp với lộ trình phát sinh nước thải và thuận lợi nâng công suất trạm phục vụ nhu cầu xử lý nước thải của dự án. Công suất trạm xử lý nước thải dự kiến sau khi nâng công suất là 560m³/ngày (công suất chính xác sẽ được Chủ đầu tư xác định tại các bước tiếp theo).

+ Chất thải rắn sinh hoạt: được phân loại trực tiếp tại nguồn; bố trí điểm tập kết chất thải rắn. Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được các đơn vị quản lý vệ sinh môi trường thu gom và vận chuyển đến bãi xử lý chất thải rắn theo quy định.

- Hạ tầng viễn thông thụ động:

+ Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, có độ bao phủ rộng khắp, dung lượng lớn, chất lượng cao, cung cấp đa dịch vụ và hoạt động có hiệu quả.

+ Ngầm hóa hoàn toàn các tuyến cáp viễn thông xây dựng mới đặt trong hào kỹ thuật trong khu vực dự án.

+ Quy hoạch hệ thống cống bể ngầm hợp lý, đủ tiêu chuẩn, chất lượng và đồng bộ với việc xây dựng hệ thống giao thông.

d) Quy định quản lý kèm theo quy hoạch: Kèm theo quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông và nông nghiệp

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về pháp lý và tính chính xác của các nội dung đề xuất tại quy hoạch chi tiết; cùng với đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về pháp lý và tính chính xác của các số liệu, tài liệu, dữ liệu, bản đồ địa hình và các thông tin có liên quan khác để làm căn cứ lập đồ án và các tính toán về quy mô dân số, các chỉ tiêu đất đai, chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, chỉ tiêu hạ tầng xã hội,... nêu trong đồ án quy hoạch chi tiết; rà soát, khớp nối hạ tầng kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế tại khu vực trong quá trình triển khai các bước tiếp theo.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tư cách, năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch và các cá nhân tham gia trong quá trình tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch.

- Sau khi quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt, hoàn thiện hồ sơ theo Quyết định phê duyệt, gửi hồ sơ đến cơ quan thẩm định quy hoạch để đóng dấu xác nhận.

- Có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu quy hoạch đã được phê duyệt theo quy định về lưu trữ (bao gồm hồ sơ bản giấy và hồ sơ điện tử). Thành phần hồ sơ và quy định lưu trữ hồ sơ theo căn cứ theo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Cung cấp hồ sơ quy hoạch được phê duyệt gồm toàn bộ hồ sơ được phê duyệt và các tệp tin theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ quy hoạch và chịu trách nhiệm về chậm trễ cung cấp hồ sơ quy hoạch cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các thủ tục thủ tục liên quan có căn cứ quy hoạch chi tiết được duyệt để triển khai thực hiện.

- Đăng tải nội dung quy hoạch trên các trang (cổng) thông tin quy hoạch, trang thông tin điện tử có liên quan; cập nhật trên cơ sở dữ liệu quy hoạch thành phố trên hệ thống thông tin địa lý (GIS); tổ chức lập Kế hoạch cắm mốc giới, nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới theo quy định.

- Phối hợp với địa phương tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch theo quy định, chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt. Triển khai việc cắm mốc giới (nếu có) và triển khai các bước về đầu tư xây dựng dự án, thu hút đầu tư theo đúng quy hoạch được duyệt.

- Chuyển Quyết định này kèm theo hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt đến Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố khu vực IV, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố khu vực IV và các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Điều 4 để thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có liên quan đến dự án.

- Trong các bước tiếp theo, tổ chức thực hiện đầy đủ các thủ tục về xây dựng, đất đai, môi trường, phòng cháy và chữa cháy,... tuân thủ các nội dung đã được nêu trong đồ án này, các quy hoạch cấp trên có liên quan và theo đúng các quy định hiện hành; đồng thời lưu ý tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị về quy hoạch trong quá trình triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

2. Giao các cơ quan, đơn vị thuộc xã Bà Nà

- Phòng Kinh tế thực hiện nhiệm vụ quản lý quy hoạch, tham mưu các thủ tục về đất đai, môi trường thuộc thẩm quyền theo quy định hiện hành.

- Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã thực hiện quản lý về trật tự xây dựng theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

3. Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan cập nhật nội dung đồ án quy hoạch để quản lý và thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc, khó khăn, đề nghị Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông và nông nghiệp kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa-Xã hội; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông và nông nghiệp Đà Nẵng; Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Xây dựng;
- CN VPĐKĐĐ KV4;
- TTPTQĐTP KV IV;
- Lưu: VT, KT (H).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Phát